

# Quan hệ Đại Việt - Chiêm Thành thời Lý (1009 - 1225) thư tịch cổ Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Thủy \*

**Tóm tắt:** Bài viết tái hiện mối quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý (1009 - 1225) qua khảo cứu các thư tịch cổ Việt Nam, như: *Đại Việt sử lược*, *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Lịch triều hiến chương loại chí*... Thư tịch cổ Việt Nam phản ánh quan hệ Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý chủ yếu ở hai phương diện chính là chính trị và văn hóa. Những trình bày trong bài viết góp phần tìm hiểu một cách toàn diện quan hệ Đại Việt và Chiêm Thành trong lịch sử.

**Từ khóa:** Đại Việt; Chiêm Thành; quan hệ; thời Lý; thư tịch cổ Việt Nam.

## 1. Phương diện chính trị

Quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành là sự đan xen giữa hòa bình và những xung đột quân sự. Một mặt, đó là quan hệ biểu hiện một cách thuần túy thông qua việc Chiêm Thành phái các đoàn sứ sang cống Đại Việt; mặt khác, những xung đột quân sự giữa Đại Việt và Chiêm Thành thì thoáng vẫn diễn ra.

### 1.1. Chiêm Thành cử các sứ đoàn sang cống Đại Việt

Sự kiện Chiêm Thành sang Đại Việt cống lần đầu tiên vào năm 1011 dưới thời vua Lý Thái Tổ.

Sau đó, trong 216 năm tồn tại của nhà Lý, Chiêm Thành đã 51 lần sang cống Đại Việt, trung bình 4 năm, Chiêm Thành cử sứ thần sang cống Đại Việt một lần.

Có thể nói, tần suất cống của Chiêm Thành với Đại Việt không đều đặn. *Đại Việt sử kí toàn thư* (từ đây gọi là *Toàn thư*) chép: “Năm 1011... nước Chiêm Thành dâng sớ từ”<sup>(1)</sup>. Đây là lần ra mắt đầu tiên của sứ thần Chiêm Thành với vương triều mới của Đại Việt. Tuy nhiên, từ năm 1011 đến năm 1050,

trong suốt 39 năm sau đó, Chiêm Thành không hề cử sứ đoàn sang cống.

*Toàn thư* ghi lại lời bàn của vua Lý Thái Tông vào năm 1043 với các quần thần về lí do Chiêm Thành không sang cống: “Tiền đế mất đi, đến nay đã 16 năm rồi, mà Chiêm Thành chưa từng sai một người sứ thần nào sang là có gì? Hay là uy đức của triều không đến họ chăng?” Các quan đáp: “Bọn thần cho là đức của bệ hạ tuy có đến nhưng uy thì chưa rộng thôi. Sao thế? Là vì từ khi bệ hạ lên ngôi đến giờ, nó trái mệnh không đến châu, bệ hạ chỉ bố đức ban ơn để vỗ về, chưa từng ra oai dùng võ để đánh, không phải là cách làm cho người xa sợ oai. Bọn thần e rằng các chư hầu khác họ trong nước, đều như Chiêm Thành cả, không những một người Chiêm mà thôi”<sup>(2)</sup>.

Năm 1043, Chiêm Thành cướp bóc dân

(\*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

ĐT: 0963812565. Email: thuynt@hnue.edu.vn.

(1) Ngô Sĩ Liên và các sứ thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

(2) *Sđđ*, tr.403.

ven biển, vua Lý Thái Tông phái Đào Xứ Trung đi dẹp yên. Có lẽ sự việc này đã nhắc nhở vua Thái Tông về mối đe dọa ở phía nam biên giới. Vua Lý Thái Tông chuẩn bị đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Tháng giêng năm 1044, vua Lý Thái Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, tấn công vào tận kinh đô Vijaya, bắt vợ cả và vợ lẽ của vua Sạ Đầu.

Sau sự kiện này, Chiêm Thành tái cống Đại Việt vào năm 1050. Những năm sau đó, Chiêm Thành thực hiện cống rất đều đặn, cứ 3 năm cống Đại Việt 1 lần. Cụ thể vào các năm 1055, 1057, 1060, 1063, 1065, 1068, 1071, 1073, 1075, 1077.

Sau cuộc tấn công Chiêm Thành chiếm được ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính và thắng lợi của Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai (1075 - 1077), trong hai thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XI, Chiêm Thành liên tiếp cử các phái đoàn sang Đại Việt cống. Đó là vào các năm 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1091, 1093, 1094, 1097, 1098, 1099.

Tần suất cống ở mức cao còn tiếp tục trong hai thập kỉ đầu của thế kỉ XII, trung bình khoảng 2 năm Chiêm Thành sang cống Đại Việt một lần. Cụ thể là vào các năm 1102, 1104, 1105, 1106, 1108, 1110, 1112, 1116, 1117, 1118.

Những năm sau đó, tần suất cống của Chiêm Thành với Đại Việt giảm dần và thưa thớt hơn những năm trước đó. Từ năm 1120 cho đến hết thời gian trị vì của nhà Lý, khoảng hơn 100 năm, Chiêm Thành chỉ sang cống Đại Việt tổng cộng 14 lần. Năm 1198 là lần cuối cùng Chiêm Thành cử phái đoàn sang cống Đại Việt dưới thời Lý.

Như vậy, tần suất Chiêm Thành cống Đại Việt cao vào những năm giữa triều đại nhà Lý, từ năm 1150 cho đến hết hai thập niên đầu của thế kỉ XII. Tần suất cống thưa thớt ở trước và sau giai đoạn sau khoảng thời gian

này, trong đó giai đoạn đầu thưa thớt hơn so với giai đoạn sau. Tần suất cống không tuân theo quy luật nào cả và phụ thuộc vào tiềm lực của Đại Việt và Chiêm Thành.

Về cống phẩm, phần lớn cống vật Chiêm Thành mang sang Đại Việt là sản vật có giá trị của Chiêm Thành, như: sư tử, voi trắng, vàng... Đây đều là những sản vật đặc trưng và nổi tiếng của Chiêm Thành. Tuy nhiên, số lượng cống phẩm lại có vẻ tương đối khiêm tốn.

Về mục đích thực hiện việc cống của Chiêm Thành là duy trì quan hệ hòa hảo, tốt đẹp giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Việc Chiêm Thành cống Đại Việt không phải để nhận sách phong từ Đại Việt. Quan hệ cống của Chiêm Thành đối với Đại Việt phần nào biểu hiện sự thần phục, phụ thuộc của Chiêm Thành vào Đại Việt. Mức độ của nó phụ thuộc chặt chẽ vào tương quan thực lực giữa Đại Việt và Chiêm Thành cùng những biến động trong nội bộ bộ máy thống trị của Chiêm Thành. Thư tịch cổ Việt Nam chép lại một số lần Chiêm Thành sang quy phục Đại Việt vào các năm 1039, 1040, 1124, 1130, 1152 và 1203.

Năm 1039 “con vua Chiêm Thành là Địa Bà Lạt (cùng bọn) Lạc Thuấn, Sạ Đầu, La Kê, A Thát Lạt 5 người sang quy phục nước ta”<sup>(3)</sup>. Năm sau, tức năm 1040 người giữ trại Bồ Chính của nước Chiêm Thành là Bồ Linh, Bồ Kha, Lan Đà Tĩnh đem bộ thuộc hơn 100 người sang quy phục.

Năm 1124, người nước Chiêm Thành là bọn Ba Tư Bồ Đà La 30 người sang quy phục.

Năm 1130, tháng 3, người nước Chiêm Thành là Ung Ma, Ung Châu sang quy phục.

Năm 1152, khi Chiêm Thành xảy ra sự biến cung đình “người Chiêm Thành, Ung Minh Ta Điệp đến cửa cung quyết xin cho

<sup>(3)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.395.

được làm vua nước ấy. Xuống chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 người ở phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An sang Chiêm Thành lập Ung Minh Ta Đệp làm vua. Mông đến Chiêm Thành bị vua nước ấy là Chế Bì La Bút chống cự, bọn Ung Minh Ta Đệp và (Lý) Mông đều chết<sup>(4)</sup>.

Trường hợp tương tự cũng diễn ra vào năm 1203, khi vua nước Chiêm Thành là Bồ Trì bị chú là Văn Bồ Điền đuổi. Bồ Trì đem cả vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La, ý muốn cầu cứu. Sự kiện này đã được *Toàn thư* ghi lại như sau: “Mùa thu, tháng 7, Điện tiền chỉ huy sứ tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và châu mục là Phạm Diên tâu rằng: “Vua nước Chiêm Thành là Bồ Trì bị chú là Văn Bồ Điền đuổi, nay đem cả vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La, ý muốn cầu cứu”<sup>(5)</sup>.

Sự quy phục của Chiêm Thành với Đại Việt phần lớn là do những mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Chiêm Thành.

Có thể nói, quan hệ công của Chiêm Thành với Đại Việt thời Lý không phải là quan hệ *triều cống* giữa thiên tử và chư hầu như quan hệ của Trung Quốc với các nước láng giềng khác.

## 1.2. Xung đột quân sự giữa Đại Việt và Chiêm Thành

Bên cạnh việc Chiêm Thành thường xuyên sang cống Đại Việt - một biểu hiện chủ đạo của quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thì những xung đột quân sự giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý cũng điếm xuyết vào quan hệ chủ đạo này và làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý.

Thư tịch cổ Việt Nam cho biết, trong suốt thời kì nhà Lý nắm vương quyền, Đại Việt và Chiêm Thành đã xảy ra tới 15 lần xung đột.

Thời Lý, Chiêm Thành đã 5 lần tiến hành các hoạt động quấy rối biên giới Đại Việt. Đây được xem là cái cớ để Đại Việt cho quân đi đánh Chiêm Thành.

Năm 1043, Chiêm Thành còn cho quân vào cướp bóc dân ven biển của Đại Việt. *Toàn thư* chép: “Mùa hạ, tháng 4, “giặc gió sóng” (nghĩa là nhân gió mà đi cướp), Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển. Vua sai Đào Xử Trung đi đánh, dẹp được yên”<sup>(6)</sup>.

Sự việc này đã nhắc nhở vua Thái Tông về mối đe dọa ở phía nam biên giới, là nguyên cớ để ông chuẩn bị tiến đánh Chiêm Thành vào năm 1044. Để chuẩn bị cho cuộc tiến công này, vua Lý Thái Tông đã “xuống chiếu sai đóng các chiến thuyền hiệu Long, Phượng, Ngự, Xà, Hồ, Báo, Anh Vũ hơn vài trăm chiếc... Tháng 12, xuống chiếu cho quân Sĩ sửa soạn giáp binh, hẹn đến mùa xuân tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm Thành”<sup>(7)</sup>. Các quan văn võ cũng được ban tiền Minh đạo mới đúc, nhằm khích lệ động viên nhiệt tâm và lòng trung thành với nhà vua.

Tháng giêng năm 1044, vua Lý Thái Tông phát khí giới trong kho ban cho các quân, sau đó để Thái tử Nhật Tôn lưu lại ở Kinh, rồi vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Quân Đại Việt ra cửa Đại Ác, theo đường biển, qua Cô Sơn (Hà Tĩnh) đánh Chiêm Thành. Theo *Toàn thư*, Chiêm Thành đã đem quân và voi bày trận ở bờ nam sông Ngũ Bò đón đánh. Vua Thái Tông truyền cho quân bỏ thuyền lên bờ, dàn quân bên bờ bắc, dựng cờ, nổi trống, sang tắt ngang sông đánh. “ Binh lính chưa chạm nhau mà quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi chém được 3 vạn thủ cấp. Quách Gia Dị chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đầu tại trận đem dâng. Đoạt được hơn 30 voi thuần, bắt sống hơn 5 nghìn người, còn thì bị quan quân giết chết, máu đầy grom giáo, xác

<sup>(4)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.495 - 496.

<sup>(5)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.516.

<sup>(6)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.402.

<sup>(7)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.404 - 405.

chất đầy đồng”<sup>(8)</sup>. Sau đó, vua Lý Thái Tông tiếp tục tấn công vào kinh đô Vijaya, bắt vợ cả vợ lẽ của Sạ Đầu cùng các cung nữ. Vua sai sứ đi các hương ấp, phủ dụ nhân dân mừng thắng trận.

Năm 1068, Chiêm Thành lại tiếp tục những hành động quấy nhiễu biên giới. *Toàn thư* chép: “Năm 1068, Chiêm Thành dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu biên giới”<sup>(9)</sup>.

Trước hành động đó, năm 1069, vua Lý Thánh Tông đã đem quân đánh Chiêm Thành. Quân có 5 vạn, Lý Thường Kiệt được chọn làm đại tướng quân và đi tiên phong, kiêm chức nguyên soái. Ông xin cho em là Thường Hiến đi theo, Hiến được trao chức Tán kỵ vũ úy. *Toàn thư* chép: “Mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua nước ấy là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người. Trận này vua đánh Chiêm Thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyên Phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa hòa hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà Quan Âm, vua nói: “Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao?”. Bèn quay lại đánh nữa, thắng được.

Mùa hạ, tháng 6, vua đem quân về. Mùa thu, tháng 7, vua từ Chiêm Thành về đến nơi, dâng tù ở Thái Miếu, đổi niên hiệu là Thần Vũ năm thứ nhất. Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc tội. Vua bằng lòng, tha cho Chế Củ về nước”<sup>(10)</sup>.

Kết quả lớn nhất của cuộc tấn công của Đại Việt năm 1069 là duy trì được ổn định biên giới Đại Việt và Chiêm Thành buộc phải dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội.

Năm 1074, Chiêm Thành lại cho quân ra cướp phá, quấy rối biên giới Đại Việt<sup>(11)</sup>. Năm 1075, vua Lý Nhân Tông đã lệnh cho Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh Chiêm Thành, nhưng không thu được kết quả. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*

(từ đây gọi là *Cương mục*) chép lại: Năm 1075, “Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới. Nhà vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh, không được, Thường Kiệt vẽ bản đồ hình thể núi sông ở ba châu Bố Chính, Ma Linh, và Địa Lý, rồi kéo quân về”<sup>(12)</sup>. Tuy nhiên, đây được coi là hành động nhằm thị uy, gây thanh thế để giữ yên biên giới phía nam, tập trung đối phó với kẻ thù nguy hiểm hơn ở phía bắc là nhà Tống. Sau thất bại, Lý Thường Kiệt tập trung vào những công việc nhằm khẳng định và củng cố quyền lực của nhà Lý đối với ba châu mới Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính mà Chế Củ đã cắt cho Đại Việt. Ông di dân vào khai khẩn, vẽ địa đồ hình thể và đặt tên gọi mới cho ba châu để tiện cai quản và phòng khi có biến. Sau đó, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về để thực hiện chiến lược chủ động tấn công vào hậu cứ của quân Tống.

Năm 1103, “mùa đông, tháng 10, người Diên Châu là Lý Giác làm phản. Giác trước học được thuật lạ, có thể biến cây cỏ làm người, bèn chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu ấy, đắp thành làm loạn. Việc tau lên vua, sai bọn Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua trốn sang Chiêm Thành, dư đảng đều bị dẹp yên.

Chiêm Thành cướp biên giới”<sup>(13)</sup>.

Năm 1104, vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt đem quân tấn công vùng Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh và vua Chiêm Thành phải trả lại đất này sau khi đã tiến quân chiếm của Đại Việt. *Cương mục* có ghi:

<sup>(8)</sup> Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.406.

<sup>(9)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.421.

<sup>(10)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.421 - 422.

<sup>(11)</sup> Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.426.

<sup>(12)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch), t.1, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, tr.350.

<sup>(13)</sup> Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.435.

“Tháng 2, mùa xuân. Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành thua, chúa Chiêm phải trả lại đất ba châu đã chiếm”<sup>(14)</sup>.

Năm 1166, “mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành đi đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (ma thuật của thầy tăng) mà vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về”<sup>(15)</sup>.

Tháng 7 năm 1167, Thái úy Tô Hiến Thành đem quân đi đánh Chiêm Thành. *Toàn thư* chép: “Mùa thu, tháng 7, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng trân châu và sản vật địa phương để xin hòa.

Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân về. Từ đây, nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng cống không thiếu”<sup>(16)</sup>.

Bên cạnh những xung đột quân sự tương đối lớn, thì thư tịch cổ Việt Nam cũng chép các lần xung đột quân sự nhỏ hơn vào các năm 1132, 1177, 1216 và 1218.

Năm 1132, trải qua một thời gian dài, Đại Việt và Chiêm Thành không hề xảy ra xung đột, Chiêm Thành và Chân Lạp cùng vào cướp châu Nghệ An, vua Lý Thần Tông phải hạ chiếu sai Dương Anh Nhị đi đánh. *Toàn thư* chép: “Mùa thu, tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành vào cướp phá Nghệ An.

... Xuống chiếu cho Thái úy Dương Anh Nhị đem người ở phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan”<sup>(17)</sup>.

Vào cuối triều Lý, Chiêm Thành thường xuyên tổ chức các hoạt động quân sự tấn công Đại Việt, nhất là đối với địa phận Nghệ An. Theo *Toàn thư*: “Năm 1177, mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An”<sup>(18)</sup>. Tiếp đến, “năm 1216, Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh phá được”<sup>(19)</sup>. Sau đó hai năm, đến năm 1218 “Chiêm Thành và Chân Lạp, Lý Bất Nhiễm đánh tan được, thăng tước hầu, ban thực ấp

7.500 hộ, thực phong 1.500 hộ”<sup>(20)</sup>. Đây cũng chính là xung đột quân sự cuối cùng của Đại Việt và Chiêm Thành dưới thời Lý.

Như vậy, những xung đột quân sự giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý không diễn ra thường xuyên, có tần suất thấp hơn nhiều so với việc Chiêm Thành công Đại Việt. Hầu hết đây là những xung đột quân sự nhỏ.

Nguyên nhân của những xung đột giữa Đại Việt và Chiêm Thành chủ yếu xuất phát từ phía Chiêm Thành. Những lần quấy rối, tấn công biên giới Đại Việt của Chiêm Thành là nguyên cơ để Đại Việt tấn công Chiêm Thành. Đối với những xung đột lớn, quy luật là cứ năm trước Chiêm Thành quấy phá biên giới, năm sau Đại Việt đem quân đánh Chiêm Thành. Các cặp năm 1043 - 1044, 1068 - 1069, 1074 - 1075, 1103 - 1104, 1166 - 1167 đã dẫn ở trên minh chứng cho quy luật đó. Tất cả những xung đột quân sự lớn giữa Chiêm Thành và Đại Việt thời nhà Lý đều được chỉ huy bởi những tướng lĩnh quân sự cao cấp, khi thì đích thân vua Lý ra trận (vua Lý Thái Tông, Lý Nhân Tông), khi thì là các tướng lĩnh quân sự tài giỏi của nhà Lý, như Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành.

Đối với những xung đột quân sự khác nhỏ hơn vào các năm 1132, 1177, 1216 và 1218, nguyên nhân đều bắt nguồn từ phía Chiêm Thành, nhà Lý lập tức cử các vị tướng đi dẹp yên.

Trong những xung đột quân sự giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý được thư tịch

<sup>(14)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.367.

<sup>(15)</sup> Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.502.

<sup>(16)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.502.

<sup>(17)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.470 - 471.

<sup>(18)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.507.

<sup>(19)</sup> Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.525.

<sup>(20)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.526.

<sup>(20)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.526.

cổ Việt Nam chép lại, chỉ duy nhất 1 lần có nguyên nhân không xuất phát từ phía Chiêm Thành. Đó là lần tấn công Chiêm Thành năm 1020 của nhà Lý. Năm 1020, vua Lý Thái Tổ sai quân đi đánh Chiêm Thành. *Toàn thư* chép: “Canh Thân... (1020)... Mùa đông, tháng 12, sai Khai Thiên Vương (Phật Mã) và Đào Thạch Phụ đem quân đánh người Chiêm Thành ở trại Bồ Chính, thẳng đến núi Long Ty, chém được tướng Chiêm Thành là Bồ Linh tại trận, người Chiêm Thành chết đến quá nửa”<sup>(21)</sup>.

Kết quả lớn nhất của những xung đột quân sự là duy trì hòa bình và ổn định giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Từ trong các cuộc xung đột này, Đại Việt có được một phần đất của Chiêm Thành gồm ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính, mở rộng thêm phần lãnh thổ Đại Việt về phía nam.

Có thể nói, những xung đột quân sự là biểu hiện sự bất ổn trong mối quan hệ chính trị giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Nguyên nhân của những xung đột chủ yếu bắt nguồn từ phía Chiêm Thành và phản ánh nỗ lực của Chiêm Thành muốn thay đổi thực trạng quan hệ giữa hai nước. Kết quả của những xung đột không giúp Chiêm Thành đạt được mục đích.

Vì vậy, quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý phản ánh qua thư tịch cổ Việt Nam chủ yếu vẫn là quan hệ phụ thuộc ít nhiều của Chiêm Thành vào Đại Việt, nhưng không phải là quan hệ phụ thuộc điển hình giống như quan hệ thiên tử - chư hầu giữa Trung Quốc và các nước láng giềng thời kì này. Đặc điểm của quan hệ này được quyết định bởi tương quan thực lực giữa Đại Việt và Chiêm Thành.

## 2. Phương diện văn hóa

Bên cạnh quan hệ chủ đạo trên lĩnh vực chính trị, những sự kiện trong thư tịch cổ Việt Nam cũng gợi lên những nét phác thảo ban đầu về mối quan hệ văn hóa giữa Đại Việt và Chiêm Thành.

Năm 1126, tháng 9, nước Chiêm Thành sang cống, “mở hội đèn Quảng Chiếu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành xem”<sup>(22)</sup>.

Năm 1130, tháng 11, Chiêm Thành sang cống, “tháng 12, vua đánh cầu ở Long Trì, cho sứ thần nước Chiêm Thành vào hầu xem”<sup>(23)</sup>.

Thậm chí, xung đột quân sự cũng là một trong những nhân tố đưa đến giao lưu văn hóa giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Sau thắng lợi quân sự với Chiêm Thành, Đại Việt mang về rất nhiều nhạc công, vũ công là cung nữ, thê thiếp của vua Chiêm. Điều này có tác động tích cực đến sự phát triển nghệ thuật của Đại Việt. *Toàn thư* có ghi: “Giáp Thân ... (1044),... mùa xuân, tháng giêng,... ngày Quý Mão, vua thân chinh đánh Chiêm Thành... Hễ ai giết người Chiêm Thành thì bị chém.

... Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thệ bắt vợ cảm vợ lẽ của Sạ Đầu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên”<sup>(24),(25)</sup>.

Trong cuộc chinh phạt Chiêm Thành năm 1044 vua Lý Thái Tông đã cho bắt rất nhiều tù binh mà trong đó có nhiều người ở từ trong hoàng cung Chiêm Thành, họ là các thợ thủ công, nhạc công, cung nữ múa hát. Sau khi mở lễ cáo thắng trận ở miếu Thái Tổ, vua “xuống chiếu cho các tù binh đều được nhận người cùng bộ tộc, cho ở từ Trấn Vĩnh Khang<sup>(26)</sup> đến Đăng Châu<sup>(27)</sup>

<sup>(21)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.368.

<sup>(22)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.452.

<sup>(23)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.468.

<sup>(24)</sup> Tây Thiên khúc điệu: ở đây có thể là những khúc hát và múa Chiêm Thành có nguồn gốc Ấn Độ (Tây Thiên, chỉ Ấn Độ).

<sup>(25)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.405 - 406.

<sup>(26)</sup> Vĩnh Khang: nay là đất huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

<sup>(27)</sup> Đăng Châu: tên châu thời Lý, nay thuộc đất tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

(nay là Quy Hóa), đặt hương ắp phỏng theo tên gọi cũ của Chiêm Thành<sup>(28)</sup>. Từ đó đám tù binh này trở thành công dân Đại Việt, cùng tham gia vào quá trình khai khẩn đất hoang, cày cấy sản xuất, bắt đầu quá trình hòa nhập và cộng cư của hai dân tộc.

Cũng trong cuộc chiến năm 1044, người Việt đã mang rất nhiều chiến lợi phẩm về từ Chiêm Thành. Năm 1045, vua Lý Thái Tông cho “ché xe Thái Bình, lấy vàng trang sức “bông la nga” (tức là cái bành voi của Chiêm Thành) - đóng voi để kéo<sup>(29)</sup>. Đây là một biểu hiện sinh động về sự tiếp xúc văn hóa của hai nước.

Năm 1046, vua Lý Thái Tông “dựng cung riêng<sup>(30)</sup> cho các cung nữ Chiêm Thành<sup>(31)</sup>. Những cung nữ này chắc hẳn đã có những ảnh hưởng nhất định đến nghệ thuật và múa hát trong cung đình nhà Lý.

Năm 1060, tháng 8, vua Lý Thánh Tông còn cho “phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát<sup>(32)</sup>.

Một số tù binh khác của Chiêm Thành được nhà Lý tuyên dụng làm các thợ thủ công cho cung đình. Họ cũng góp quan trọng vào việc định hình nền kiến trúc, điêu khắc và thủ công nghiệp của nước Đại Việt.

Năm 1069 ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính của Chiêm Thành thuộc về Đại Việt. Năm 1075, “đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh là châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đây ở<sup>(33)</sup>. Sự giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa cư dân hai nước trong thời này cho dù được phản ánh khá ít ỏi trong các thư tịch cổ Việt Nam, nhưng chắc chắn đây chính là thời kì đầu tiên của sự giao lưu giữa nhân dân hai nước.

Từ những trình bày trên, có thể thấy, quan hệ Đại Việt và Chiêm Thành qua thư tịch cổ Việt Nam được phản ánh khá sinh động, trên hai phương diện chính trị và văn hóa. Trong đó, quan hệ trên phương diện chính trị là chủ yếu (thông qua một biểu

hiện mang tính thuần túy là việc Chiêm Thành cống Đại Việt, bên cạnh đó còn có những xung đột quân sự).

Trên phương diện văn hóa, quan hệ Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý được phản ánh khá ít ỏi trong các thư tịch cổ Việt Nam. Nhưng những ghi chép đó phần nào khẳng định đã có những quan hệ giao lưu văn hóa giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Tuy nhiên, về quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý, nhất là quan hệ trên phương diện văn hóa và các phương diện khác, cần thiết phải khảo cứu nhiều nguồn tài liệu khác nữa bên cạnh tài liệu thư tịch cổ Việt Nam. Những khảo cứu quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành thời Lý thông qua các thư tịch cổ Việt Nam ở trên là cơ sở cho những nghiên cứu sâu sắc hơn, toàn diện hơn về mối quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành trong lịch sử.

#### Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch), Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Khuyết danh (1960), *Việt sử lược* (bản dịch), Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.
3. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), Tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội
5. Lê Tác (2002), *An Nam chí lược* (bản dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế.

<sup>(28)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.408.

<sup>(29)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.409.

<sup>(30)</sup> *Việt sử lược* chép cung này là cung Ngân Hán.

<sup>(31)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.409.

<sup>(32)</sup> Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê (2000), *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), *sđđ*, t.1, tr.418.

<sup>(33)</sup> *Sđđ*, t.1, tr.427.

